TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/DS-ST
Ngày: 09-11-2017
V/v Tranh chấp đòi tài sản và bồi thường thiệt hại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Phi Anh Toàn;

2. Ông Bồ Quốc Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2017 về Tranh chấp đòi tài sản và bồi thường thiệt hại theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2017/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Kim T, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 4, khu phố G, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 09/6/2017) là người đại diện theo ủy quyền đối với Tranh chấp đòi tài sản; có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Hoàng V, sinh năm 1975; địa chỉ: đường M, Phường N, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 17/10/2017) là người đại diện theo ủy quyền đối với Tranh chấp bồi thường thiệt hại; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ 2, ấp C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phạm Nguyễn Kim H, sinh năm 1997; địa chỉ: địa chỉ: Tổ 4, khu phố G, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 31/7/2017) là người đại diện theo ủy quyền đối với Tranh chấp đòi tài sản; có mặt.

3.2. Ông Phạm Duy Khánh, sinh năm 2002; địa chỉ: Tổ 4, khu phố G, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Ngô Kim T, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 4, khu phố G, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo pháp luật;

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 31/7/2017) là người đại diện theo ủy quyền đối với Tranh chấp đòi tài sản; có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Hoàng V, sinh năm 1975; địa chỉ: đường M, Phường N, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 17/10/2017) là người đại diện theo ủy quyền đối với Tranh chấp bồi thường thiệt hại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vợ chồng bà Ngô Kim T và ông Phạm Mạnh C là người quản lý, sử dụng diện tích 21.676m^2 thuộc thửa đất số 289 tờ bản đồ 46 tại xã Đ, huyện B và 1.496 cây cao su gắn liền trên đất. Ngày 15/3/2017, ông C chết theo trích lục khai tử ngày 29/3/2017 của Ủy ban nhân dân phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Khi còn sống, ông C có cho anh ruột là Phạm Ngọc H khai thác mủ cao su trên thửa đất 289 để ông H có tiền trang trải cuộc sống. Hiện nay, bà T có nhu cầu khai thác mủ cao su nên nhiều lần yêu cầu ông H trả lại số cây cao su trên nhưng ông H không đồng ý. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu ông H phải trả lại cho bà 1.496 cây cao su trên diện tích 21.676m^2 thuộc thửa đất số 289 tờ bản đồ 46 tại xã Đ.

Ông Phạm Ngọc H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T. Bởi vì, năm 2015, giữa ông H và ông C có thỏa thuận với nhau về việc ông C cho ông H thuê cây cao su trên thửa đất số 289 tờ bản đồ số 46 tại xã Đ, huyện B để cạo mủ với giá là 150.000.000 đồng, thời hạn thuê là 05 năm. Ông H giao cho ông C số tiền 150.000.000 đồng nhưng hai bên không lập hợp đồng thuê khoán tài sản và cũng không lập biên bản giao nhận tiền. Sau khi ông C chết thì ông H vẫn cạo mủ cao su trên thửa đất này. Ông H chỉ đồng ý trả lại số cây cao su này với điều kiện bà T phải trả lại cho ông H số tiền 90.000.000 đồng mà ông đã giao cho ông C trước đây vì thời hạn thuê vẫn còn.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

[2] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 19/10/2017, nguyên đơn – bà Ngô Kim T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, bị đơn không có đơn yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có đơn yêu cầu độc lập. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về việc tham gia tố tụng của bà Phạm Nguyễn Kim H: Bà H ủy quyền cho ông Phạm Văn T tham gia tố tụng về việc Tranh chấp đòi tài sản nhưng không ủy quyền đối với Tranh chấp bồi thường thiệt hại và bà H có đơn yêu cầu xét xử vụ án vắng mặt. Ngày 19/10/2017, bà Ngô Kim T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Tranh chấp bồi thường thiệt hại. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Phạm Nguyễn Kim H.

[4] - Về nội dung vụ án:

[5] Nguyên đơn – bà Ngô Kim T khởi kiện yêu cầu ông Phạm Ngọc H trả lại 1.496 cây cao su thuộc thửa đất số 289, tờ bản đồ số 46 tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương. Bị đơn – ông Phạm Ngọc H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi vì năm 2015, ông H và ông Phạm Mạnh C (ông C là chồng bà T) có thỏa thuận: ông H thuê cây cao su của ông C để khai thác mủ cao su với giá 150.000.000 đồng trong thời hạn 5 năm. Ngày 15/3/2017, ông C chết. Ông H chỉ đồng ý trả lại số cây cao su này với điều kiện bà T phải trả lại cho ông H số tiền 90.000.000 đồng. Xét thấy, việc ông H cho rằng, ông khai thác mủ cây cao su trên cơ sở hợp đồng thuê khoán tài sản với ông C nhưng không chứng minh được và bà T không thừa nhận việc này. Do đó, việc bà T khởi kiện yêu cầu ông H trả lại 1.496 cây cao su thuộc thửa đất số 289, tờ bản đồ số 46 tại xã Đ, huyện B là có cơ sở chấp nhận.

[6] Ông H yêu cầu bà Th thanh toán lại số tiền 90.000.000 đồng nhưng không không nộp đơn phản tố nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết yêu cầu này của ông H.

[7] - Về chi phí tố tụng (thẩm định và định giá tài sản): Ông Phạm Ngọc H phải nộp để trả lại cho bà Ngô Kim T.

[8] - Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Kim T được chấp nhận nên ông Phạm Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Vì những căn cứ trên, xét thấy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Kim T và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Kim T về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại về việc cạo mủ cây cao su và bồi thường thiệt hại do có hành vi hủy hoại tài sản.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Kim T về việc Tranh chấp đòi tài sản.

Ông Phạm Ngọc H có nghĩa vụ trả lại cho bà Ngô Kim T 1.496 cây cao su trên diện tích đất 21.676m^2 thuộc thửa đất số 289 tờ bản đồ 46 tại xã Đ, huyện B.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2017/QĐ-BPKCTT ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện B.

4. Về chi phí tố tụng (chi phí thẩm định và định giá tài sản): Ông Phạm Ngọc Hphải nộp 1.500.000 đồng để trả lại cho bà Ngô Kim T.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Ngọc H phải chịu 300.000 đồng;

Bà Ngô Kim T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Ngô Kim T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.950.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0016583 ngày 17/8/2017 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.500.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0016535 ngày 17/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nếu vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mỹ Trúc